

Số: 1943 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771, huyện Long Thành, chiều dài tuyến khoảng 1,93 km” tại xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản số 4269/STNMT-MT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771, huyện Long Thành” tại xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 321/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771, huyện Long Thành, chiều dài tuyến khoảng 1,93km” (sau đây gọi

là Dự án) của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án huyện Long Thành;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- UBND xã An Phước;
- UBND thị trấn Long Thành;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QĐĐT.M.XdtuyendungTranPhu-BQLDAhuyenLT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771, huyện Long Thành, chiều dài tuyến khoảng 1,93 km” tại xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành

(Kèm theo Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771, huyện Long Thành, chiều dài tuyến khoảng 1,93 km.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Long Thành.
- Địa chỉ liên hệ: Ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án:

- Đầu tư xây dựng mới đường Trần Phú (đường N7) dài khoảng 1,93 km đi qua xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất thực hiện khoảng 11,98 ha. Chia làm 02 đoạn:

+ Đoạn 01 (km0+000 đến km1+739): Phần tuyến chính có mặt đường thiết kế 06 làn xe rộng 23 m; 04 làn xe đường song hành rộng 16 m; dải phân cách giữa rộng 06 m; dải phân cách hai bên rộng 05 m; vỉa hè rộng 12 m; tổng bề rộng nền đường 62 m. Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 62 m.

+ Đoạn 02 (km1+739 đến km1+932,439): Phần tuyến chính có mặt đường thiết kế 06 làn xe rộng 23 m; 04 làn xe đường song hành rộng 16 m; dải phân cách giữa rộng 06 m; dải phân cách hai bên rộng 05 m; vỉa hè rộng 12 m; tổng bề rộng nền đường 62 m. Thực hiện khớp nối theo ranh dự án “Đầu tư, xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành, diện tích 410,31 ha” đang triển khai và đã được Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Xây dựng nút giao, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và an toàn giao thông trên tuyến.

- Quy mô đầu tư: Đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường trong đô thị - đường chính khu vực; công trình giao thông đô thị cấp I; vận tốc thiết kế 50 km/h;

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Các hoạt động đền bù, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; khai thác và vận chuyển vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

1.3.1 Các hạng mục công trình chính của Dự án:

a) Phần tuyến chính:

- Đầu tư xây dựng mới đường Trần Phú (đường N7) dài khoảng 1,93 km, bề rộng đường 62 m; quy mô 06 làn xe phần tuyến chính (bề rộng mặt đường 23 m, bề rộng dải phân cách giữa 6 m, bề rộng dải phân cách hai bên 5 m) và 04 làn xe đường song hành (bề rộng mặt đường 16 m, bề rộng vỉa hè 12 m); vận tốc thiết kế 50 km/h.

+ Đoạn 01 (km0+000 đến km1+739): Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Du kết cấu mặt đường bê tông nhựa với cường độ mặt đường đảm bảo $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$.

+ Đoạn 02 (km1+739 đến km1+932,439): Đoạn từ đường Nguyễn Du đến tỉnh lộ ĐT.771 kết cấu mặt đường bê tông xi măng để đảm bảo đồng bộ với phần đường song hành 02 bên của dự án “Đầu tư, xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành, diện tích 410,31 ha” đã đầu tư.

b) Nút giao:

- Thi công, xây dựng công trình giao cắt với các đường hiện hữu và tuyến đường quy hoạch bằng các nút giao, công trình thoát nước dọc, hệ thống cống ngang dọc tuyến; bao gồm: nút giao với đường Lê Duẩn hiện hữu (nút giao đầu tuyến) tại lý trình km0+000, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với đường Chu Văn An hiện hữu tại lý trình km0+278, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với đường Cách Mạng Tháng Tám (quy hoạch) tại lý trình km0+699, giao bằng dạng ngã ba, có bố trí vòng xoay; nút giao với Đường số 6 (quy hoạch) tại lý trình km1+000, giao bằng dạng ngã ba, có bố trí vòng xoay; nút giao với đường Nguyễn Ái Quốc (quy hoạch) tại lý trình km1+339, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với đường Nguyễn Du (quy hoạch) tại lý trình km1+739, giao bằng dạng ngã tư; nút giao với tỉnh lộ ĐT.771 hiện hữu (nút giao cuối tuyến) tại lý trình km1+932,439, giao bằng dạng ngã tư.

- Bán kính vượt nối giữa tuyến chính và đường ngang $R = 15 \text{ m}$. Đối với các đường cắt ngang quy hoạch, phạm vi đầu tư xây dựng giới hạn đến mép ngoài vỉa hè của tuyến dự án đường Trần Phú (đường N7).

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Đầu tư hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến dự án có tổng chiều dài khoảng 3,86 km; Hướng thoát nước: phạm vi từ đầu tuyến đến nút giao với đường Cách Mạng Tháng Tám dài khoảng 720 m, hướng thoát nước từ tuyến dự án dẫn theo đường Cách Mạng Tháng Tám chảy ra suối Bến Năng, độ dài tuyến thoát nước đường Cách Mạng Tháng Tám khoảng 1,1 km; phạm vi từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Nguyễn Du dài hơn 1.000 m, hướng thoát nước từ tuyến dự án dẫn theo đường Nguyễn Du chảy ra rạch Bến Bào, độ dài tuyến thoát nước đường Nguyễn Du khoảng 2,7 km; bên trái tuyến sử dụng cống thoát nước dọc có khẩu độ từ Ø0,8 m đến Ø1,5 m; Bên phải tuyến sử dụng cống thoát nước dọc có khẩu độ từ Ø0,8 m đến cống hộp 2 x 1,2 x 1,2 m.

d) Hệ thống thoát nước thải:

- Đầu tư hệ thống thoát nước thải dọc tuyến dự án có tổng chiều dài khoảng 3,86 km;

+ Hướng thoát nước bên phải tuyến dự án: Thu gom và thoát nước thải sinh hoạt bằng tuyến đường cống thoát nước thải kết cấu bê tông cốt thép khẩu độ Ø0,4m, chiều dài khoảng 1.720 mét, độ dốc 0,25 - 0,37% chạy dọc theo vỉa hè tuyến dự án đầu nối vào tuyến cống thoát nước thải bên phải đường Nguyễn Du có độ dài khoảng 1.400 m, kết cấu bê tông cốt thép khẩu độ Ø0,5m với độ dốc 0,2% dẫn về Trạm xử lý nước thải khu vực rạch Bến Bào, công suất trạm xử lý 5.000 m³/ngày.đêm;

+ Hướng thoát nước bên trái tuyến dự án chia làm 02 đoạn gồm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Cách Mạng Tháng Tám thu gom thoát nước thải dọc theo tuyến trái dự án với độ dài tuyến khoảng 720 mét sau đó đầu nối vào tuyến thoát nước thải dọc tuyến phải của đường Cách Mạng Tháng Tám có chiều dài tuyến thoát nước thải khoảng 1.500 mét, kết cấu bằng cống bê tông cốt thép, khẩu độ Ø0,4m đến Ø0,5m, độ dốc 0,2% dẫn ra Trạm xử lý nước thải suối Bến Năng; đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Nguyễn Du thu gom thoát nước thải dọc theo tuyến trái dự án với độ dài tuyến khoảng 1.000 mét sau đó đầu nối vào tuyến thoát nước thải dọc tuyến phải của đường Nguyễn Du có chiều dài tuyến thoát nước thải khoảng 950 mét, kết cấu bằng cống bê tông cốt thép, khẩu độ Ø0,3m, độ dốc 0,33% dẫn ra Trạm xử lý nước thải suối Bến Năng.

1.3.2 Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Đầu tư, di dời hệ thống cấp điện chiếu sáng, an toàn giao thông đường bộ.

- 01 công trường thi công (bao gồm: Lán trại, bãi tập kết nguyên vật liệu, nhà điều hành công trình); dự án không có trạm trộn bê tông nhựa nóng, trạm trộn bê tông xi măng, bãi đúc cầu kiện bê tông; trụ cột đều được gia công sẵn.

1.3.3. Các hạng mục, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- 02 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng 15 m³/nhà vệ sinh); 01 hệ thống cầu rửa xe tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng 5.340 x 2.220 x 1.000 mm).

- 01 kho chứa chất thải rắn thông thường từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 30 m². Kho được dựng bằng container 40 feet, kết cấu bằng vật liệu thép có dán phủ lớp nhựa gia cố sợi thủy tinh chống ăn mòn.

- 01 kho chứa chất thải nguy hại từ hoạt động xây dựng diện tích khoảng 15 m². Kho được dựng bằng container 20 feet, kết cấu bằng vật liệu thép có dán phủ lớp nhựa gia cố sợi thủy tinh chống ăn mòn. Bên trong kho có trang bị 07 thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 120 lít để lưu giữ chất thải nguy hại.

- 01 bãi đổ thải tiếp nhận đất vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa (nằm ngoài phạm vi tuyến dự án) với khối lượng đổ thải dự kiến khoảng 866,5 tấn; vị trí bãi đổ thải tại thửa đất số 51 tờ bản đồ số 12 thuộc xã Phước Bình, huyện

Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Văn bản số 1540/SNN-TTBVTV&TL ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai.

- 01 bãi đổ thải tiếp nhận đất đào dôi dư từ quá trình đào thi công nền đường tuyến dự án (nằm ngoài phạm vi tuyến dự án) với khối lượng đổ thải dự kiến khoảng 183.314,04 tấn; vị trí bãi đổ thải dự kiến nằm trong phạm vi dự án Khu tái định cư quy mô 47 ha thị trấn Long Thành đã được Hội đồng nhân dân huyện Long Thành thông qua chủ trương đầu tư dự án “Hạ tầng khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (giai đoạn 1)” tại Nghị quyết số 09/NĐ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2024.

1.3.4. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động lắp đặt công trường, thi công các hạng mục của Dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, lán trại, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của Dự án và hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 0,31ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1 Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu, phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động giao thông đường bộ, tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn ảnh hưởng chủ yếu đến khu vực dân cư dọc tuyến.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn thực hiện thi công xây dựng khoảng 9,96 m³/ngày, gồm:

- Hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 2,9 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.
- Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 7,06 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Giai đoạn vận hành:

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển phế thải xây dựng đi đổ thải, hoạt động của máy móc thiết bị thi công các hạng mục của Dự án phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO₂, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC.

- Phát sinh không đáng kể trong quá trình duy tu bảo dưỡng dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng phát sinh với khối lượng lớn nhất khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các phương tiện lưu thông.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 38.760,8 tấn. Thành phần chủ yếu là sắt, thép, xà bần, gạch ngói, bê tông,...

- Hoạt động phá dỡ mặt đường hiện hữu tại các nút giao phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 78 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông nhựa vỡ,...

- Hoạt động phá dỡ các công trình bề tự hoại hiện hữu phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 1.172 tấn bùn cặn thải và 182,5 tấn gạch, bê tông vụn thải.



- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công phát sinh khối lượng sinh khối thực vật khoảng 171,64 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ.

- Đất bóc tầng mặt đất chuyên trồng với khối lượng khoảng 866,5 tấn (độ sâu bóc tách 20 cm, khối lượng bóc tách là 618,9 m³). Thành phần đất mặt giàu hữu cơ của đất chuyên trồng lúa.

- Hoạt động đào hố móng, nền đường, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh đất đào khoảng 388.427,24 tấn. Trong đó, khối lượng đất bóc được tận dụng lại để trồng cây xanh và đắp nền khoảng 205.113,14 tấn và khối lượng đổ thải khoảng 183.314,11 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: đất bóc tầng đất mặt của đất nông nghiệp, đắp đào đắp.

- Hoạt động thi công xây dựng phát sinh chất thải rắn xây dựng khoảng 3.051 tấn trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là mẫu vụn sắt, thép, xà bần, bao bì,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa trong giai đoạn vận hành các công trình trên tuyến dự án làm phát sinh khoảng 3 - 5 m³ chất thải rắn/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hỏng, bùn nạo vét hệ thống thoát nước,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công tại công trường làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng lớn nhất trong giai đoạn thi công chuẩn bị mặt bằng và xây dựng khoảng 245 kg/ngày. Thành phần chính: Dầu mỡ thải, xơ bông thấm dầu thải, cặn sơn thừa thải, bao bì thùng chứa sơn thải, que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, sửa chữa các công trình và hệ thống an toàn giao thông làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 03 kg/đợt bảo dưỡng;

- Hoạt động chăm sóc cây xanh, thăm cỏ bằng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật làm phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng từ 2 - 3 kg/lần; thành phần chủ yếu là vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị thi công.

- Quy chuẩn so sánh: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình triển khai dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông ảnh hưởng tới khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường.

- Quy chuẩn so sánh: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình vận hành.

3.4. Các hoạt động khác:

- Có tổng số 534 hộ gia đình bị ảnh hưởng đến nhà cửa, trong đó có 468 hộ bị ảnh hưởng toàn bộ và 66 hộ bị ảnh hưởng một phần nhà cửa. Tổng số hộ phải di dời là 468 hộ.

- Về các tài sản khác trên đất, tuyến dự án sẽ làm ảnh hưởng đến 3,75 ha đất đang trồng cây cao su tập trung > 5 năm tuổi; 0,27 ha ao; khoảng 3,1 ha trồng hoa màu, rau (lúa, bắp, khoai mì, đậu và rau các loại). Tác động đến sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất.

- Dự án có nguy cơ gây ngập úng cục bộ, tác động đến hệ sinh thái, tác động đến giao thông hiện trạng, tác động do nước mưa chảy tràn, tác động đến chất lượng nước mặt của rạch, suối và các đối tượng sử dụng nguồn nước rạch, suối xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại trong công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng 15 m³/nhà vệ sinh).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải xây dựng: Bố trí 01 hệ thống cầu rửa xe tại công trường thi công có trang bị kèm theo ngăn lắng nước thải bên dưới cầu rửa xe để lắng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe phương tiện vận chuyển, vệ sinh dụng cụ thi công (kích thước ngăn lắng khoảng 5.340 x 2.220 x 1.000 mm). Trang bị kèm theo thiết bị lọc rác cơ khí hoạt động theo cơ chế điều khiển tự động để thu gom, tách cặn chất thải rắn như đất, cát, đá vụn,... Nước thải sau khi tách cặn chất rắn được tái sử dụng cho hoạt động xịt rửa bánh xe của phương tiện vận chuyển ra vào công trường.

+ Yêu cầu bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng cho hoạt động trên công trường thi công đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

- Đối với nước mưa chảy tràn: thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước: Miệng rãnh x đáy x sâu = 0,8 x 0,4 x 0,4m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H = 1,0 x 1,0 x 1,0 m/hố với khoảng cách khoảng

100 m/hố lắng xung quanh công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến thi công để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng chất thải rắn xây dựng tại công trường.

b) Giai đoạn vận hành:

Không phát sinh nước thải trong quá trình vận hành.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Phun nước tưới ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất tối thiểu 03 lần/ngày (sáng - trưa - chiều) hoặc theo kiến nghị thực tế của các hộ dân chịu tác động; lắp đặt hệ thống cầu rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển tại công trường thi công, đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất bám ở lốp trước khi ra khỏi công trường; sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thảm nhựa tại các vị trí thi công gần khu dân cư; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư dọc tuyến thi công.

b) Giai đoạn vận hành:

Định kỳ thực hiện quét, thu gom chướng ngại vật và vệ sinh mặt đường trên tuyến đường; vệ sinh mặt đường trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường, đặc biệt cần phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi tại các khu vực triển khai hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại tại nguồn, bố trí các thùng rác chuyên dụng tại công trường thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, bố trí

điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: các loại chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và tái sử dụng theo quy định; các loại chất thải không thể tái sử dụng được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất vét hữu cơ trên đất chuyên trồng lúa sử dụng để bổ sung, cải tạo đất trồng cây ăn quả lâu năm tại thửa đất số 51 tờ bản đồ số 12 thuộc xã Phước Bình, huyện Long Thành theo Văn bản số 1540/SNN-TTBVTV&TL ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai về việc phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước; bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Đối với đất đào dôi dư: Phương án xử lý là vận chuyển đến Khu tái định cư 47 ha thị trấn Long Thành sử dụng làm vật liệu san nền.

Các hoạt động vận chuyển đất vét hữu cơ, đất đào dôi dư ra khỏi phạm vi dự án đảm bảo tuân thủ theo các quy định, trình tự thủ tục của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

- Đối với các loại chất thải rắn khác: Thực hiện thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích khoảng 30 m², hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường với Đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh do hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thu gom về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tại công trường bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m², các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh

báo, dán nhãn, phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải phát sinh do đơn vị vận hành tuyến đường chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các thiết bị được đăng kiểm trong quá trình thi công, xây dựng; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện giao thông, phương tiện thi công đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công ở các giờ nghỉ ngơi của người dân đoạn qua khu dân cư để tránh gây ồn, rung; hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị phương tiện.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ có liên quan khác.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Có phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư phù hợp và được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi, sạt lở đất, đá; bảo đảm việc đổ thải, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ quy trình vận chuyển, đổ thải; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong quá trình thi công. Sau khi hoàn thành đổ thải, thực hiện san gạt tạo mặt bằng, chống sạt lở, phục hồi môi trường theo quy định.

- Thi công đúng phạm vi ranh giới Dự án, đúng trình tự, biện pháp thi công đã được phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan vào mùa mưa lũ nhằm đảm bảo an toàn.

- Xây dựng nội quy công trường, lắp đặt rào tôn cách ly, các biển báo công trường đang thi công; lắp đặt cọc tiêu và đèn báo đảm bảo tiêu chuẩn.

- Các phương tiện thi công tuân thủ nghiêm Luật Giao thông đường bộ. Bố trí nhân lực hướng dẫn, phân luồng để đảm bảo giao thông trong khu vực được thông suốt trong thời gian thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, cọc tiêu, đèn báo theo quy định.

- Xây dựng nội quy công trường, thiết lập các quy định về an toàn lao động và giám sát việc thực hiện trong suốt quá trình thi công; phối hợp với các bên liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn về an toàn lao động cho công nhân trên công trường.

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, tránh thi công vào những ngày mưa bão, lũ; kiểm tra, che chắn, chằng buộc, di dời về nơi an toàn các hạng mục công trình, máy móc thi công có thể bị hư hại do điều kiện thời tiết bất lợi.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Đối với chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại:

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.2. Đối với bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát:

- + KK1: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực đầu tuyến dự án tại km0+000, tọa độ: X = 1193 017; Y = 412 152 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

- + KK2: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực giữa tuyến dự án tại km0+700, tọa độ: X = 1192 726; Y = 411 525 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

- + KK3: Vị trí quan trắc không khí xung quanh ở khu vực cuối tuyến dự án tại km1+760, tọa độ: X = 1192 611; Y = 410 508 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi (TSP), CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Đối với nước thải:

- + Vị trí giám sát: Tại vị trí hồ lắng nước thải thi công xây dựng trên công trường, tọa độ X = 1192 629; Y = 410 585 (theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°).

- + Tần suất: 03 tháng/lần.

- + Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ khoáng.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2. Giai đoạn vận hành:

Giám sát tình trạng sạt lở, sụt lún và ngập úng dọc tuyến đường.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Thực hiện nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2016-TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Thực hiện quản lý, sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa nước theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Có phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo công khai minh bạch; việc thực hiện Dự án không làm thất thoát tài sản của nhà nước và không để xảy ra khiếu kiện, ảnh hưởng đến dư luận, an ninh trật tự và đời sống của nhân dân.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.
- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, thực hiện kịp thời công tác phục hồi hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu

vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa tạm, bãi đổ thải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện quản lý và giám sát môi trường đối với quá trình vận chuyển, đổ đất đá, vật liệu thải; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường trong trường hợp xảy ra sạt lở, sụt lún, ngập úng do hoạt động triển khai của Dự án; trường hợp xảy ra sạt lở, bồi lắng ảnh hưởng đến các công trình xây dựng, sinh kế người dân phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan có liên quan khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật./.